TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 626/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-05-2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 921/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1986.

Thường trú: 221/23/22 Ấp E, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982.

Thường trú: C ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C trình bày:

Bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn ngày 14/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 197, quyển số 02/2006 ngày 14/8/2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung bên nhà vợ tại ấp E, xã Đ, huyện H,

Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã do chuyện tiền bạc, cuộc sống của bà rất chật vật, ngột ngạt vì mọi chi tiêu trong gia đình phải phụ thuộc vào chồng. Từ sau dịch Covid 19 thì cuộc sống ngày càng khó khăn, phải nhờ đến sự giúp đỡ của gia đình bên ngoại. Mâu thuẫn thường xuyên diễn ra và ngày càng trầm trọng. Đỉnh điểm là ông T có hành vi đánh vợ tại nhà ngoại, không tôn trọng gia đình vợ. Vợ chồng không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Hai bên đã sống ly thân một thời gian dài.

Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã rất trầm trọng, không thể hàn gắn, bản thân bà C không còn yêu thương, không còn muốn chung sống cùng ông T. Do đó, bà C yêu cầu ly hôn với ông T để sớm ổn định lại cuộc sống.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 12/10/2006 và Nguyễn Thanh Khánh T2, sinh ngày 11/10/2007. Cả 02 con chung hiện ở cùng bà C tại xã Đ, huyện H, do bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Sau ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi trẻ T1 và trẻ T2 lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Tại bản tự khai ngày 05/12/2023, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/12/2023; biên bản hòa giải ngày 05/12/2023, bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông T và bà C đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 8 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 197, quyển số 02/2006.

Sau khi kết hôn cả hai sống chung ở nhà vợ, hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông có đánh vợ vì bức xúc vợ đánh con. Sau đó, bà C bỏ đi hai mấy ngày mới về nhà. Nguyện vọng của ông là đoàn tụ gia đình để lo cho con cái trưởng thành, không muốn chuyện của bố mẹ ảnh hưởng đến con cái. Ông đề nghị Tòa án cho thời gian để bà C suy nghĩ lại.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 12/10/2006 và Nguyễn Thanh Khánh T2, sinh ngày 11/10/2007. 02 con chung hiện ở cùng bà C tại xã Đ, huyện H, do bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, nguyện vọng của các con muốn ở cùng ai thì ông đồng ý theo nguyện vọng của các con. Nếu 02 con muốn ở cùng mẹ thì đồng ý giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, 02 con muốn ở cùng cha thì giao cho cha trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Ngọc C khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ông Nguyễn Thanh T là bị đơn hiện đang cư trú tại xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 197, quyển số 02/2006 ngày 14/8/2006 nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Thanh T là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của bà C, trong quá trình chung sống, giữa hai bên có nhiều mâu thuẫn, các mâu thuẫn thường xuyên diễn ra và ngày càng trầm trọng. Hai bên đã sống ly thân một thời gian dài. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Ông T xác nhận quá trình chung sống giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn, đang sống ly thân nhưng nguyện vọng của ông là được đoàn tụ để chăm lo cho con cái trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà C và ông T có thể hàn gắn gia đình, hòa giải những mâu thuẫn giữa hai bên, cùng nhau tiếp tục chung sống vợ chồng. Tuy nhiên, bà C trình bày là không còn yêu thương, không còn muốn chung sống cùng ông T, bà kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T đến để tiến hành hòa giải lần 2 cho hai bên nhưng ông T vắng mặt không lý do. Xét thấy hôn nhân

giữa bà C và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc C là phù hợp.

[4] Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 12/10/2006 và Nguyễn Thanh Khánh T2, sinh ngày 11/10/2007. Hai con chung hiện nay đang do bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi trẻ T1 và trẻ T2 lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày nếu ly hôn, nguyện vọng của 02 con muốn ở cùng với cha hay mẹ thì ông đồng ý theo nguyện vọng của các con. Tại bản tự khai ngày 18/12/2023 và 02/01/2024, trẻ T1 và trẻ T2 trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con và cha, mẹ. Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chia tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ dân sự chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 12/10/2006 và Nguyễn Thanh Khánh T2, sinh ngày 11/10/2007 cho bà Nguyễn Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ T1 và trẻ T2 lần lượt trưởng thành tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Ngọc C không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Ngọc C chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017035 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã T, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 197, quyển số 02/2006 ngày 14/8/2006)
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)